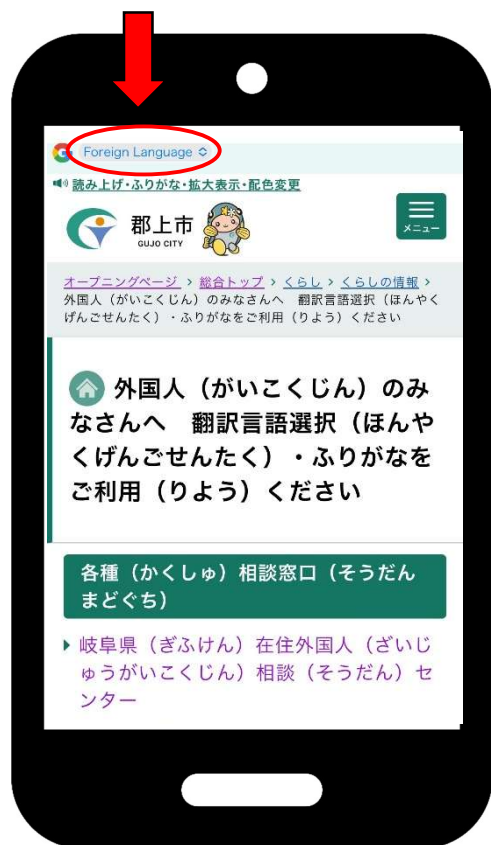


Chào mừng các bạn ngoại quốc đến với thành phố Gujo

Các thông tin hữu ích cho cuộc sống ở thành phố Gujo và góc tư vấn đa ngôn ngữ được đăng trên trang chủ của thành phố Gujo. Vui lòng sử dụng **chức năng dịch thuật** khi xem.



がいきくじん 外国人の みなさんへ ~ようこそ ぐじょうし 郡上市へ~

ぐじょうし せいかつ やくだ じょうほう たげんご そうだんまどぐち
郡上市での生活に 役立つ情報や、多言語での 相談窓口

について、郡上市ホームページに 掲載しています。

ほんやくきのう つか らん
翻訳機能を使って ご覧ください。



Cho tất cả người nước ngoài
がいきくじん
外国人のみなさんへ



Trang đầu
とつぽページ
トップページ



YouTube

Tổ chức giao lưu quốc tế của thành phố hiện đang tổ chức các lớp học tiếng Nhật và các hoạt động giao lưu giữa cư dân ngoại quốc và công dân của thành phố. Vui lòng liên hệ với chúng tôi để biết thêm chi tiết.

しな いこくさいこうりゅうだんたい 市内国際交流団体では、にほんごきょうしつ 日本語教室や ざいじゅうがいきくじん 在住外国人と しみん 市民との こうりゅうかつどう 交流活動をおこなっています。

くわ とあ
詳しくは、お問い合わせください。

	Hiệp hội hữu nghị quốc tế Gujo Hachiman ぐじょうはちまんこくさいゆうこうきょうかい 郡上八幡国際友好協会	Hiệp hội giao lưu quốc tế phường Shirotori しろとりちょうこくさいこうりゅうきょうかい 白鳥町国際交流協会
Trang chủ ほーむぺーじ ホームページ	https://www.gifa.info 	https://www.sica-gujo.com 
E-mail	gujo.gifa.info@gmail.com	si.shinkou@city.gujo.lg.jp

Ban truyền thông bí thư văn phòng thị trưởng Ủy ban thành phố Gujo

ぐじょうしやくしよ しちょうこうしつ ひしよこうほうか
郡上市役所 市長公室 秘書広報課

TEL 0575-67-1147

E-mail kouhou@city.gujo.lg.jp



Địa chỉ 住所	〒501-4297 228 Hachiman-cho Shimadani, Gujo-shi 郡上市八幡町島谷288番地I
Giờ mở cửa 開庁時間	8h30 sáng ~ 5h15 chiều 午前8時30分から午後5時15分
Ngày nghỉ 休業日	Thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, ngày tết 土曜・日曜・祝日・年末年始
Số điện thoại 電話	0575-67-1121
E-mail	kouhou@city.gujo.lg.jp

Nội dung 内容	Phòng ban phụ trách 担当課	Số điện thoại 電話番号
Tư vấn 相談	Góc tư vấn chung 総合相談窓口	Phòng thư ký và truyền thông 秘書広報課
Thủ tục - Khai báo 手続き 届出	Thay đổi địa chỉ, thẻ My Number, kết hôn, sinh con, tử vong, tư cách lưu trú 住所変更 マイナンバーカード 結婚 出産 死亡 在留資格	Phòng thị dân 市民課
	Thuế 税金	Phòng thuế 税務課
Sức khỏe - Phúc lợi 健康 福祉	Lương hưu, bảo hiểm y tế quốc dân 国民健康保険 年金	Phòng bảo hiểm và lương hưu 保険年金課
	Phí y tế phúc lợi, phúc lợi người khuyết tật 福祉医療費 障がい者福祉	Phòng phúc lợi xã hội 社会福祉課
	Bảo hiểm điều dưỡng, phúc lợi người cao tuổi 介護保険 高齢者福祉	Phòng phúc lợi người cao tuổi 高齢福祉課
	Mang thai, tiêm phòng, cơ sở y tế 妊娠 予防接種 医療機関	Phòng sức khỏe 健康課
Nuôi con - Giáo dục 育児 教育	Nuôi con, nhà trẻ 子育て 保育園	Phòng trẻ em và gia đình 児童家庭課
	Trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở 幼稚園 小学校 中学校	Phòng giáo dục trường học 学校教育課
Đời sống 暮らし	Cách vứt rác, chó cưng ごみの捨て方 飼い犬	Phòng môi trường 環境課
	Nước máy, nước thải sinh hoạt 水道 下水道	Phòng tổng vụ hệ thống cấp nước 水道総務課
	Giao thông công cộng 公共交通	Phòng kế hoạch 企画課
	Phòng tránh thiên tai, hội đồng khu phố 防災 自治会	Phòng tổng vụ 総務課
	Nhà ở do thành phố quản lý 市営住宅	Phòng nhà ở đô thị 都市住宅課
	Việc làm 就労	Phòng công thương 商工課

